

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-PT

Ngày: 20-3-2023

V/v yêu cầu di dời nhà trả lại đất
và tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

Ông **Nguyễn Như Tám**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Cao Phương Bình** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc “*Yêu cầu di dời nhà trả lại đất và tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1960. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 02, ấp H, xã T, thành phố H, Kiên Giang

***Bị đơn:**

1. Bà **Trần Diệp Tú E**, sinh năm 1979. Có mặt

Địa chỉ: Số 102, Tổ 28, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Trần Diệp Tú A**, sinh năm 1970. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 02, ấp H, xã T, thành phố H, Kiên Giang.

3. Ông **Trần Phi H1**, sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện A, Kiên Giang.

4. Bà **Trần Diệp Tú Tr**, sinh năm 1981. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

5. Ông **Trần Phi H2**, sinh năm 1969. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 01, Khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tú A, ông H1, ông H2, bà T là bà **Trần Diệp Tú E**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 102, Tổ 28, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà E, bà A, ông H1, ông H2 và bà Tr: Luật sư **Đoàn Công T** - Văn phòng Luật sư Đoàn Công Thiện thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số 01A, đường Ch, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đức C, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Tạ H**, chức vụ: Trưởng Phòng tài nguyên và môi trường thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Địa chỉ: Số 198, đường Tr, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang Dũng, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Tạ Tuấn H**, chức vụ: Phó Trưởng phòng phụ trách phòng giao dịch H, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Kiên Giang. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông **Lâm Văn D**, sinh năm 1955. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 02, ấp H, xã T, thành phố H, Kiên Giang

****Người làm chứng:***

1. Bà **Trương Ngọc T**, sinh năm 1958. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang

2. Ông **Trịnh Thái N**, sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang

3. Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang

4. Ông **Trần Hoàng T**, sinh năm 1957. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang

5. Bà **Phan Ngọc Khanh**, sinh năm 1935. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 11, đường Ch, P. V, TP R, Kiên Giang

6. Ông **Nguyễn Trung Liệt**, sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà **Trần Diệp Tú E**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 02/12/1993, ông Cao Phước T có sang nhượng cho bà mảnh đất vườn có vị trí tứ cận phía Đông giáp vườn UBND xã T; phía Tây giáp rạch ông Huệ Đắc; phía Nam giáp biển; phía Bắc giáp vườn di 3 Thu, tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang các bên có làm giấy sang nhượng và được UBND xã T xác nhận ngày 07/12/1993. Đến ngày 04/5/2011, bà được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 340514, tờ bản đồ 1, thửa số 83, diện tích 300m², thửa số 84, diện tích 2.700,2m² tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang, vợ chồng ông Trần Văn M (Chết năm 2001) và bà Nguyễn Thị Kim C (Nguyễn Kim C) (Chết năm 2018) là cha mẹ ruột của bà Trần Diệp Tú E, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T đã cất nhà ở trên phần đất này. Trước đó, sau khi bà mua đất thì bà C có đến gặp bà xin được tiếp tục ở và ngày 19/10/2010 bà C có làm giấy cam kết khi nào bà lấy lại đất thì đồng ý trả và không yêu cầu bồi thường có xác nhận của UBND xã T, ngoài bà C ra còn có bà Nguyễn Thị T cũng có làm giấy cam kết mượn đất của bà hiện nay bà T đã trả lại đất cho bà. Sau khi ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C (Nguyễn Kim C) chết thì căn nhà bỏ hoang cho đến nay, bà có xin lấy lại đất thì các con của ông M và bà C không di dời nhà trả lại đất cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Diệp Tú E, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T di dời căn nhà chiều ngang khoảng 10m, chiều dài khoảng 15m tọa lạc tại tổ 02, ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang để trả lại quyền sử dụng đất cho bà theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và bản trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Tiên và đồng ý hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời là 10.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư Đoàn Công Thiện trình bày: Phần đất có căn nhà mà phía nguyên đơn yêu cầu di dời nhà trả lại quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang có nguồn gốc của bà Phan Ngọc K cho lại ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C (Nguyễn Kim C) từ năm 1985, đất có chiều ngang 10m, chiều dài 15m, ông M và bà C cất nhà ở cho đến nay. Năm 2001, cha của các bị đơn tên Trần Văn M chết, đến năm 2018 mẹ của các bị đơn tên Nguyễn Thị Kim C (Nguyễn Kim C) chết không để lại di chúc, các bị đơn mới biết nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm lên phần đất của các bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Hội

đồng xét xử công nhận quyền sử dụng đất cho các bị đơn với diện tích chiều ngang 10m, chiều dài 15m theo quy định của pháp luật và điều chỉnh lại diện tích đất tại thửa 84 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 340514 ngày 04/5/2011 bởi vì phần đất trên là của bà Phan Ngọc K cho lại cha mẹ của các bị đơn và chữ ký trong giấy cam kết ngày 19/10/2010 không phải chữ ký của bà Châu và UBND xã T xác nhận vào giấy cam kết là trái với quy định của Luật công chứng, chứng thực.

Bị đơn bà Trần Diệp Tú E cũng là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn trình bày: Thông nhất lời trình bày của Luật sư Đoàn Công Thiện, cha mẹ ruột của bà tên Trần Văn M và Nguyễn Thị Kim C (Nguyễn Kim C) có tổng cộng 05 người con tên Trần Diệp Tú E, Trần Phi H1, Trần Phi H2, Trần Diệp Tú A, Trần Diệp Tú T. Sau khi cha mẹ chết có để lại căn nhà và diện tích đất chiều ngang 10m, chiều dài 15m, diện tích 150m² tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất trên và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn D trình bày: Thông nhất lời trình bày của vợ tên Nguyễn Thị L.

Tại Công văn số 60/CV-TNMT ngày 07/10/2022 của Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố H xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 340514 cấp ngày 04/5/2011 đúng trình tự quy định của pháp luật.

Tại giấy xác nhận ngày 03/10/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Kiên Giang, Phòng giao dịch H xác nhận Ngân hàng đã hoàn trả lại tài sản bảo lãnh cho bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn D đất ở và đất TCLN tại ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang (GCN.QSDĐ.QSHNO và TSKGLVĐ số 340514, sổ vào sổ CH-00728 do UBND thị xã H cấp ngày 04/5/2011). Tổng diện tích 3.000,2m², trong đó diện tích đất ở 300m², diện tích đất TCLN: 2.700,2m², số thửa 83, 84, tờ bản đồ 01.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Căn cứ khoản 5 Điều 166 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 9, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 161, Điều 162, Điều 165, Điều 166 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 tháo dỡ, di dời căn nhà cột gỗ, vách gỗ tôn, mái tôn có diện tích chiều ngang 4,8m, chiều dài 13,4m và mái che bên hông cột gỗ, mái

tôn có diện tích chiều ngang 2,7m, chiều dài 11m để giao trả cho bà Nguyễn Thị L quyền sử dụng đất có diện tích 95,8m², thửa số 84, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang có hình 1,2,3,4,1, cạnh 1,2 = 9,1m, cạnh 2,3 = 9,1m, cạnh 3,4 = 13,35m, cạnh 4,1 = 8,50m theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/9/2020 của Tòa án và tờ trích đo địa chính ngày 17/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Tiên (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

2. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất có diện tích chiều ngang 10m, chiều dài 15m, diện tích 150m², thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời cho bà Trần Diệp Tú E bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 18/10/2022, bà Trần Diệp Tú E có đơn kháng cáo: Yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho các đồng bị đơn được sử dụng phần đất đang tranh chấp có diện tích 95,8 m² nằm trong thửa 84, tờ bản đồ số 01 tại ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, hủy phần diện tích nói trên đã công nhận cho nguyên đơn sử dụng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 340514 do UBND thị xã H cấp ngày 04/6/2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Trần Diệp Tú E giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Diệp Tú E, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét

đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Diệp Tú E về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố H, ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Kiên Giang vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Diệp Tú E, yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho các đồng bị đơn được sử dụng phần đất đang tranh chấp có diện tích 95,8 m² nằm trong thửa 84, tờ bản đồ số 01 tại ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, hủy phần diện tích nói trên đã công nhận cho nguyên đơn sử dụng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 340514 do UBND thị xã H cấp ngày 04/6/2011. Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 có nguồn gốc của ông Cao Phước T chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 02/12/1993. Ngày 04/5/2011, bà L được Ủy ban nhân dân thị xã H (Nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 340514, tờ bản đồ 01, thửa số 83, diện tích 300m², thửa số 84, diện tích 2.700,2m² tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn yêu cầu phản tố và cho rằng diện tích đất chiều ngang 10m, chiều dài 15m, diện tích 150m² nằm trong thửa số 84 đã cấp cho bà Liên có nguồn gốc của bà Phan Ngọc K đã cho lại cha mẹ tên là ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C (Nguyễn Kim C) từ năm 1985 và cất nhà ở ổn định nhưng phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh diện tích trên thuộc quyền sử dụng của mình, trong khi đó bà Nguyễn Thị Kim C (Nguyễn Kim C) là mẹ ruột của các bị đơn thừa nhận có mượn đất của bà L và cam kết khi nào bà L lấy lại đất thì đồng ý trả, không yêu cầu bồi thường và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T (BL17) nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất chiều ngang 10m, chiều dài 15m, diện tích 150m² tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Mặt khác, tại giấy sang nhượng ngày 02/12/1993 giữa ông Cao Phước T và bà Nguyễn Thị L không có nội dung thể hiện khi chuyển nhượng phải chừa ra phần đất của ông M và bà C đã cất nhà ở (BL 18). Trong quá trình bà L làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà C đang ở trên phần đất này hoàn toàn không có tranh chấp cho thấy bà C thừa nhận căn nhà trên là cất nhờ trên đất của bà L, thể hiện rõ hơn qua giấy cam kết mượn đất ngày 19/10/2010 (BL17). Sau khi ông Trần Văn M mất năm 2001 và bà Nguyễn Thị Kim C (Nguyễn Kim C) mất năm 2018 thì căn

nhà trên không ai quản lý sử dụng, phía bị đơn cũng thừa nhận căn nhà trên bỏ hoang không ai ở. Tại Kết luận giám định số 674/KL-KTHS ngày 20/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận chữ ký dạng chữ viết “C” mang tên Nguyễn Thị Kim C, dưới mục: “Người làm cam kết” trên mẫu căn giám định ký hiệu A so với chữ ký dạng chữ viết “C” mang tên Nguyễn Thị C trên mẫu so sánh ký hiệu M, do chữ ký đã qua sao chụp nên không đủ điều kiện để tiến hành giám định. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn di dời căn nhà trả lại quyền sử dụng đất là có căn cứ chấp nhận, ghi nhận ý kiến của bà L hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời cho các bị đơn là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp quy định của pháp luật, vì vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Diệp Tú E là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải chịu toàn bộ chi phí là 662.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp xong theo biên lai thu số 0000234 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Tiên nên bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 662.000 đồng.

Về chi phí giám định: Buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú Em, bà Trần Diệp Tú Anh, bà Trần Diệp Tú Trinh, ông Trần Phi Hùng, ông Trần Phi Hải phải chịu chi phí là 300.000 đồng, bà Tú Em đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

Về chi phí định giá tài sản: Buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải chịu toàn bộ chi phí là 5.150.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000610 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Tây nên bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 5.150.000 đồng.

[3] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H, ông Trần Phi H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003813 ngày ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003617 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Diệp Tú E phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 166 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 9, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 161, Điều 162, Điều 165, Điều 166 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Diệp Tú E.

- Giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 tháo dỡ, di dời căn nhà cột gỗ, vách gỗ tôn, mái tôn có diện tích chiều ngang 4,8m, chiều dài 13,4m và mái che bên hông cột gỗ, mái tôn có diện tích chiều ngang 2,7m, chiều dài 11m để giao trả cho bà Nguyễn Thị L quyền sử dụng đất có diện tích 95,8m², thửa số 84, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang có hình 1,2,3,4,1, cạnh 1,2 = 9,1m, cạnh 2,3 = 9,1m, cạnh 3,4 = 13,35m, cạnh 4,1 = 8,50m theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/9/2020 của Tòa án và tờ trích đo địa chính ngày 17/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Tiên (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

2. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất có diện tích chiều ngang 10m, chiều dài 15m,

diện tích 150m², thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Hòn Tre, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời cho bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 số tiền 10.000.000 đồng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải chịu toàn bộ chi phí là 662.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp xong theo biên lai thu số 0000234 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Tiên nên bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 662.000 đồng.

5. Về chi phí giám định: Buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải chịu chi phí là 300.000 đồng, bà Tú E đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

6. Về chi phí định giá tài sản: Buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải chịu toàn bộ chi phí là 5.150.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000610 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Tây nên bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 5.150.000 đồng.

7. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H, ông Trần Phi H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003813 ngày ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bị đơn bà Trần Diệp Tú E, bà Trần Diệp Tú A, bà Trần Diệp Tú T, ông Trần Phi H1, ông Trần Phi H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003617 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

9. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Diệp Tú E phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000725 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP Hà Tiên
- THA dân sự TP Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha